

Số: **03** /2019/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **11** tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức, quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về việc phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 39/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên không phải đăng ký kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính

phù về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 67/2003/TT-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế tài chính áp dụng cho Ban Quản lý chợ, doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ;

Căn cứ Thông tư số 06/2003/TT-BTM ngày 15 tháng 8 năm 2003 của Bộ Thương mại về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban Quản lý chợ;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia “Nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị”, mã số QCVN 03:2012/BXD;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng ban hành Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 4705/TTr-SCT ngày 07/12/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức, quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, như sau:

1. Khoản 1 Điều 2 được sửa đổi như sau:

“1. Chợ: Là không gian, môi trường kiến trúc công cộng của một khu vực dân cư, đáp ứng các nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa và nhu cầu tiêu dùng của một khu vực dân cư; có địa điểm, quy mô diện tích, quy mô và bán kính phục vụ, các chỉ tiêu đầu tư xây dựng... phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

2. Điều 3 được sửa đổi như sau:

“Điều 3. Các địa điểm cấm họp chợ

Nghiêm cấm việc lấn chiếm lòng, lề đường và hành lang bảo vệ trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường thủy, hành lang bảo vệ lưới điện và các mặt bằng công cộng khác (theo quy định pháp luật có liên quan và các khu vực, tuyến đường, địa điểm cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai) để tổ chức họp chợ dưới mọi hình thức.”

3. Điểm a Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“a) Đối với chợ hiện đang hoạt động, hạng chợ được xác định cụ thể trong Bảng danh sách chợ đang hoạt động theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

4. Khoản 4 Điều 5 được sửa đổi như sau:

“4. Đối với việc đầu tư xây dựng chợ phục vụ việc di dời, giải tỏa chợ thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về trình tự, thủ tục giải tỏa, di dời chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các quy định pháp luật có liên quan.”

5. Điểm c Khoản 3 Điều 9 được sửa đổi như sau:

“c) Theo yêu cầu sắp xếp về tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập của cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

6. Bổ sung Điều 19a sau Điều 19 như sau:

“Điều 19a. Các bước tiến hành chuyển giao chợ cho hợp tác xã quản lý, kinh doanh và khai thác (không bao gồm quyền sở hữu tài sản, đất đai)

1. Thẩm quyền quyết định chuyển giao chợ cho hợp tác xã quản lý, kinh doanh và khai thác

a) Trên cơ sở đề nghị của các sở, ban, ngành, địa phương hoặc hợp tác xã; UBND tỉnh xem xét, quyết định việc chấp thuận chủ trương chuyển giao chợ hạng 1 cho hợp tác xã thực hiện quản lý, kinh doanh và khai thác (giao Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện việc chuyển giao chợ - kể cả trường hợp gia hạn) theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định chuyển giao chợ hạng 2, chợ hạng 3 cho hợp tác xã thực hiện quản lý, kinh doanh và khai thác.

2. Trường hợp hợp tác xã đã có sẵn

a) Ban Giám đốc hợp tác xã gửi văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng, Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị giao chợ cho hợp tác xã quản lý, kinh doanh và khai thác.

b) Hợp tác xã liên hệ Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng để xây dựng phương án tiếp nhận chợ.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì gửi văn bản lấy ý kiến hoặc mời các sở, ban, ngành có liên quan, Liên minh Hợp tác xã, Ủy ban nhân dân cấp xã góp ý phương án tiếp nhận chợ của hợp tác xã.

d) Hợp tác xã hoàn chỉnh phương án tiếp nhận và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt. Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan đầu mối thẩm định và tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt phương án.

đ) Trên cơ sở văn bản đề xuất, báo cáo của phòng Tài chính - Kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định chuyển giao chợ cho hợp tác xã quản lý, kinh doanh và khai thác.

3. Trường hợp thành lập mới hợp tác xã

a) Kế hoạch thành lập mới hợp tác xã được đưa vào nghị quyết Đảng ủy cấp xã để chỉ đạo thực hiện.

b) Ban sáng lập hợp tác xã thực hiện công tác vận động thành lập hợp tác xã.

c) Ban sáng lập hợp tác xã liên hệ Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng để xây dựng phương án tiếp nhận chợ, điều lệ hợp tác xã, kèm văn bản đề nghị chấp nhận chủ trương giao chợ cho hợp tác xã tiếp nhận.

d) Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì gửi văn bản lấy ý kiến hoặc mời các sở, ban, ngành có liên quan, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã góp ý phương án tiếp nhận chợ, nhân sự, điều lệ của hợp tác xã (sau khi có văn bản chấp thuận chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện).

đ) Ban sáng lập hoàn chỉnh phương án tiếp nhận chợ, nhân sự, điều lệ của hợp tác xã; chọn ngày tổ chức Đại hội thành lập hợp tác xã.

e) Sau đại hội hợp tác xã thực hiện đăng ký kinh doanh, khắc dấu và báo cáo kết quả đại hội cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch (Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt ban hành quyết định chuyển giao chợ cho hợp tác xã quản lý, kinh doanh và khai thác).

4. Thời hạn chuyển giao chợ

a) Thời hạn chuyển giao chợ cho hợp tác xã quản lý, kinh doanh và khai thác không quá 10 (mười) năm kể từ ngày ký quyết định ban hành; kể cả trường hợp gia hạn thì thời gian chuyển giao chợ cũng không quá 10 (mười) năm kể từ ngày ký quyết định.

b) Trước 6 tháng, hết thời gian chuyển giao chợ cho hợp tác xã quản lý, kinh doanh và khai thác, phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì gửi văn bản lấy ý kiến hoặc mời các sở, ban, ngành có liên quan, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá kết quả tình hình hoạt động kinh doanh của hợp tác xã; công tác quản lý, kinh doanh và khai thác chợ; đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội trong việc chuyển giao chợ cho hợp tác xã quản lý, kinh doanh và khai thác; ý kiến có tiếp tục chuyển giao chợ cho hợp tác xã quản lý, kinh doanh và khai thác. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến góp ý, phòng Tài chính - Kế hoạch đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định việc phê duyệt gia hạn quyết định chuyển giao chợ.

c) Trường hợp, Ủy ban nhân dân tỉnh không đồng ý chấp thuận chủ trương gia hạn việc chuyển giao chợ hạng 1; Ủy ban nhân dân cấp huyện không đồng ý gia hạn quyết định chuyển giao chợ hạng 2, hạng 3 cho hợp tác xã tiếp tục thực hiện quản lý, kinh doanh và khai thác thì phải ban hành văn bản gửi hợp tác xã trước 3 tháng hết thời gian chuyển giao chợ, trong đó nêu rõ lý do tại sao không tiếp tục gia hạn chuyển giao chợ.”

7. Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi tiêu đề như sau: “**Điều 24. Quản lý thu, chi tại chợ**”

b) Khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Các khoản thu

- a) Thu đầu tư
- b) Thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ
- c) Thu đối với tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện vận tải cơ giới vận chuyển hàng hóa ra, vào chợ
- d) Thu dịch vụ trông giữ xe
- đ) Thu dịch vụ quảng cáo, thu hộ sử dụng điện, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.”
- e) Dấu cộng thứ 6 gạch đầu dòng thứ nhất Điều a Khoản 2 được sửa đổi như sau:

“Chi khác: Như chi an ninh trật tự; chi vệ sinh môi trường; chi mua bảo hiểm phòng cháy chữa cháy, duy trì hoạt động cân đối chúng (bao gồm bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định),...”

8. Bổ sung Điều 30a sau Điều 30 như sau:

“Điều 30a. Quy định thời hạn và mẫu hợp đồng cho thuê điểm kinh doanh tại chợ

1. Đối với các dự án chợ đầu tư xây dựng mới, xây dựng lại

a) Chủ đầu tư, tổ chức quản lý chợ thông báo công khai các hình thức thu tiền cho thuê điểm kinh doanh (tháng, quý, năm, nhiều năm) để các hộ kinh doanh biết, lựa chọn thuê điểm kinh doanh để thực hiện hoạt động mua bán.

b) Thời gian cho thuê điểm kinh doanh tối đa đối với chợ do nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư không quá 20 (hai mươi) năm, nhưng tối đa không quá thời gian sử dụng của công trình.

c) Đối với chợ do Nhân dân góp vốn đầu tư việc xác định thời gian cho thuê điểm kinh doanh tùy theo khả năng góp vốn của hộ kinh doanh, suất đầu tư của từng điểm kinh doanh nhưng tối đa không quá thời gian sử dụng của công trình hoặc thời hạn giao hoặc cho thuê đất và không quá 20 (hai mươi) năm.

d) Thời gian cho thuê điểm kinh doanh tối đa đối với chợ do thương nhân đầu tư, khai thác chợ không quá thời gian sử dụng của công trình, nhưng tối đa không quá thời gian cho thuê đất hoặc thời gian giao đất.

2. Đối với các dự án chợ sửa chữa, nâng cấp

a) Thời gian cho thuê điểm kinh doanh tối đa đối với chợ do nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư không quá 10 (mười) năm, nhưng tối đa không quá thời gian sử dụng của công trình.

b) Đối với chợ do Nhân dân góp vốn đầu tư việc xác định thời gian cho thuê điểm kinh doanh tối đa không quá 20 (hai mươi) năm, nhưng tối đa không quá thời gian sử dụng của công trình. Việc xác định thời gian cho thuê được xác định trên cơ sở mức đóng góp của hộ kinh doanh, suất đầu tư của từng điểm kinh doanh, thời gian thu hồi vốn đầu tư để từ đó xác định thời gian cho thuê điểm kinh doanh cho phù hợp và đúng quy định.

c) Thời gian cho thuê điểm kinh doanh tối đa đối chợ do thương nhân đầu tư, khai thác chợ không quá thời gian sử dụng của công trình, nhưng tối đa không quá thời gian cho thuê đất hoặc thời gian giao đất.

3. Đối với chợ trước đây Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức quản lý chợ ký hợp đồng cho thuê điểm kinh doanh (hoặc cấp các giấy tờ có giá trị tương tự) mà không ghi thời hạn cho thuê hoặc ghi không thời hạn, Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan thực hiện hợp tổ chức quản lý chợ, hộ kinh doanh (người ký hợp đồng thuê điểm kinh doanh), Ủy ban nhân dân cấp xã và các phòng có liên quan xử lý dứt điểm tình trạng nêu trên (lưu ý phải kiểm tra kết cấu công trình chợ, thời hạn sử dụng của công trình, việc đảm bảo an toàn cho người dân mua bán tại chợ,... có văn bản kiểm tra và xác nhận của Sở Xây dựng); chỉ đạo tổ chức quản lý chợ thực hiện ký lại hợp đồng cho thuê điểm kinh doanh với thời gian cho thuê điểm kinh doanh hợp lý, phù hợp theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Về mẫu hợp đồng cho thuê điểm kinh doanh tại chợ

Tổ chức quản lý chợ nghiên cứu mẫu cho thuê điểm kinh doanh tại chợ ban hành tại Phụ lục II kèm theo Quyết định, quá trình đàm phán hợp đồng của các bên liên quan và các nội dung quy định tại Bộ Luật dân sự để tiến hành ký hợp đồng cho thuê điểm kinh doanh tại chợ.”

9. Khoản 2 Điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Cơ cấu tổ chức của Tổ kiểm tra an toàn thực phẩm tại chợ

a) Tổ kiểm tra an toàn thực phẩm tại chợ, gồm:

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã - Tổ trưởng;
- Người đứng đầu Tổ chức quản lý chợ - Tổ phó Thường trực;
- Đại diện Đội Quản lý thị trường - Tổ phó;
- Đại diện Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Y tế, Công an xã, Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Thành viên;
- Tổ trưởng Tổ bảo vệ chợ hoặc kế toán Tổ chức quản lý chợ - Thư ký.

b) Tổ kiểm tra an toàn thực phẩm tại chợ được phép trưng tập một số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý chợ để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.”

10. Điểm d Khoản 2 Điều 38 được sửa đổi như sau:

“d) Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án chợ theo thẩm quyền.”

11. Khoản 2, Khoản 3 Điều 39 được sửa đổi như sau:

“2. Phối hợp cung cấp số liệu cập nhật danh sách chợ đang hoạt động theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, đề xuất danh sách chợ nông thôn khuyến khích doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.”

12. Khoản 1 Điều 40 được sửa đổi như sau:

“1. Chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá theo quy định. Phối hợp với Cục Thuế tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan thực hiện các cơ chế, chính sách theo quy định”.

13. Sửa đổi Khoản 1, Khoản 2 và bổ sung Khoản 8 vào Điều 41 như sau:

“1. Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết, quyết định quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phù hợp về thẩm quyền, nội dung theo quy định pháp luật.

2. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án chợ theo thẩm quyền; hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan trong việc cấp văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư. Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản cam kết hỗ trợ kinh phí đầu tư chợ nông thôn; thẩm định nghiệm thu và thực hiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ dự án đầu tư chợ nông thôn.

8. Chủ trì hướng dẫn về phương án mẫu chuyển giao chợ cho hợp tác xã quản lý, kinh doanh và khai thác để Ủy ban nhân dân cấp huyện, hợp tác xã nghiên cứu, tổ chức thực hiện.”

14. Bổ sung Điều 56a sau Điều 56 như sau:

“Điều 56a. Trách nhiệm của Cục Quản lý thị trường Đồng Nai

1. Chủ trì thực hiện công tác quản lý thị trường, phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại theo quy định pháp luật;

2. Chủ trì, phối hợp tổ chức quản lý chợ và cơ quan liên quan kiểm tra tình hình niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết tại các điểm kinh doanh trong chợ, nguồn gốc, chất lượng hàng hóa đưa vào chợ;

3. Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát thương nhân kinh doanh về chứng từ, nguồn gốc hàng hóa kinh doanh tại chợ.”

15. Sửa đổi Khoản 5, Khoản 8 và bổ sung Khoản 22 vào Điều 60 như sau:

“5. Chủ trì bố trí ngân sách địa phương kết hợp với ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn. Tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng xây dựng công trình chợ có sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước; thực hiện phân bổ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của địa phương nhằm duy trì hoạt động cân đối chứng tại chợ (nếu có);

8. Chủ trì ban hành quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Ban Quản lý chợ trên địa bàn.

22. Xây dựng kế hoạch chi tiết và bố trí nguồn lực để triển khai chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn vào chợ trên địa bàn.”

Điều 2.

1. Bãi bỏ Điểm b Khoản 12 Điều 2.

2. Bãi bỏ Khoản 4 Điều 17.

3. Bãi bỏ Khoản 22 Điều 22.

4. Bãi bỏ Khoản 3 Điều 24.

5. Bãi bỏ Điểm a và Điểm h Khoản 2 Điều 38.

6. Bãi bỏ Khoản 2, Khoản 11 và Khoản 12 Điều 39.

7. Bãi bỏ Khoản 3 Điều 61.

8. Bãi bỏ cụm từ “Tổ quản lý chợ” tại Điểm d Khoản 1 Điều 7, Khoản 5 Điều 17, Tiêu đề Điều 22, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 44, Khoản 13 và Khoản 15 Điều 60.

9. Bãi bỏ tiêu đề “**Điều 54. Trách nhiệm của Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh**”, điều chỉnh các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 54, lần lượt thành Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều 53.

10. Thay đổi cụm từ “quy hoạch mạng lưới chợ” thành “quy hoạch” tại Điểm b Khoản 1, Điểm b Khoản 2 và Điểm c Khoản 3 Điều 9, Điểm a Khoản 3 Điều 18, Khoản 3 Điều 43, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 60, Khoản 2 Điều 61.

11. Thay đổi cụm từ “thu hoa chi chợ” thành “thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ” tại Điểm b Khoản 2 Điều 26, Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 34.

12. Thay thế Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai bằng Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Y tế, Giao thông Vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Tư pháp; Thủ trưởng: Công an tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đồng Nai, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Cục Thuế, Cục Quản lý thị trường, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh, Kho bạc tỉnh, các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cá nhân, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 01 năm 2019.

2. Các nội dung còn lại của Quy định về tổ chức, quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh

Phụ lục I

**Nội dung các tiêu chí chấm điểm chợ đạt tiêu chuẩn
chợ văn minh, chợ văn hóa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2019/QĐ-UBND ngày
.../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**I. TIÊU CHUẨN VỀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG, CÁC BỘ PHẬN PHỤ
TRỢ VÀ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH CỦA CHỢ**

1. Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chợ;
2. Không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người;
3. Tổng diện tích mặt bằng của chợ phải bảo đảm tối thiểu không nhỏ hơn mức quy định về chỉ tiêu sử dụng đất trên số điểm kinh doanh trong chợ, diện tích điểm kinh doanh cố định tối thiểu trên 3m²/điểm;
4. Tổng số điểm kinh doanh cố định đang hoạt động trên tổng số điểm kinh doanh cố định theo thiết kế chợ đạt hiệu suất cao;
5. Bãi để xe (ngoài trời hoặc có mái che) phù hợp với lưu lượng người vào chợ, tổ chức hoặc giao đơn vị khác thực hiện giữ xe cho khách theo đúng giá quy định, thực hiện niêm yết rõ ràng, minh bạch;
6. Khu vệ sinh bố trí nam, nữ riêng và thường xuyên được dọn dẹp sạch sẽ;
7. Có hoạt động dọn vệ sinh, thu gom rác thải hàng ngày; tần suất vệ sinh trong ngày bố trí phù hợp với chợ, bảo đảm giữ chợ sạch sẽ;
8. Phương án và hệ thống cấp điện bảo đảm cho hoạt động của chợ;
9. Hệ thống cấp nước đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng, bảo đảm chất lượng nước sinh hoạt, phục vụ sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại chợ;
10. Chợ có hệ thống thoát nước, có đầy đủ hố ga, lưới chắn rác, nắp đậy ngăn mùi và thường xuyên làm vệ sinh, thông tắc;
11. Các điểm kinh doanh phải có bảng hiệu; kích cỡ, màu sắc bảng hiệu được trình bày và treo thống nhất trong toàn khu vực hoặc ngành hàng hoặc toàn chợ;
12. Có hộp thư hoặc sổ góp ý ở nơi thuận tiện cho người đóng góp ý kiến.

II. TIÊU CHUẨN VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHỢ

1. Tổ chức quản lý chợ hoàn thành tốt nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch của đơn vị (về thu, chi, đóng góp ngân sách, thanh quyết toán);
2. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế theo quy định;

3. Nội quy chợ được Ủy ban nhân dân tỉnh/cấp huyện phê duyệt, được niêm yết công khai để điều hành hoạt động, xử lý vi phạm;

4. Phương án sắp xếp ngành nghề, điểm kinh doanh tại chợ do Ủy ban nhân dân tỉnh/cấp huyện phê duyệt; được niêm yết công khai và các điểm kinh doanh tại chợ được sắp xếp đúng theo phương án được Ủy ban nhân dân tỉnh/cấp huyện phê duyệt;

5. Văn bản thành lập Tổ kiểm tra an toàn thực phẩm của chợ, Tổ kiểm tra hoạt động có hiệu quả;

6. Tổ chức quản lý chợ được thành lập đúng theo quy định, bảng hiệu chợ thể hiện đầy đủ tên chợ, địa chỉ và điện thoại;

7. Văn phòng làm việc có bảng hiệu, sạch sẽ, ngăn nắp, gọn gàng; cờ Tổ quốc được treo đúng nơi quy định, có cây xanh, cây kiểng tại văn phòng làm việc, trong phạm vi của chợ;

8. Chợ có trang bị cân đối chứng được cơ quan có thẩm quyền kiểm định và đặt nơi thuận tiện để người mua tự kiểm tra trọng lượng hàng hóa mua tại chợ;

9. Cân đối chứng hoạt động tốt, thường xuyên trong thời gian chợ hoạt động;

10. Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục mặt hàng cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật; đối với mặt hàng, ngành nghề yêu cầu có giấy phép/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thì phải đảm bảo các điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định;

11. Cán bộ - công nhân viên mặc đồng phục, đeo bảng tên, không có mùi rượu, bia, không hút thuốc lá trong giờ làm việc;

12. Cán bộ, nhân viên quản lý chợ, thương nhân kinh doanh cố định tại chợ có tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt do Tổ chức quản lý chợ, tổ ngành hàng và các đoàn thể tổ chức trong phạm vi chợ;

13. Tổ chức quản lý chợ thông tin, tuyên truyền tới các thương nhân và mọi người kịp thời biết và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan... (thông qua hệ thống loa truyền thanh của chợ, tổ chức họp phổ biến trực tiếp hoặc gửi văn bản tới tay những người có liên quan);

14. Tích cực tham gia, đóng góp, ủng hộ các cuộc vận động từ thiện xã hội của đơn vị và địa phương;

15. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ tại đơn vị, công khai việc thu – chi phí chợ và các khoản thu khác tại văn phòng Tổ chức quản lý chợ;

16. Có thành lập các tổ chức đoàn thể theo quy định, các tổ chức đoàn thể hoạt động đảm bảo chất lượng, “trong sạch vững mạnh”.

III. TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI CÁC THƯƠNG NHÂN KINH DOANH CÓ ĐỊNH TẠI CHỢ

1. Không mua bán hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không đúng quy định về tem, nhãn, xuất xứ;
2. Thực hiện đăng ký kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt nghĩa vụ thuế theo quy định;
3. Thực hiện tốt việc niêm yết giá (trừ hàng tự sản, tự tiêu) và bán đúng giá theo quy định;
4. Thương nhân kinh doanh cố định tham dự lớp tập huấn và được cấp giấy chứng nhận về “Kỹ năng bán hàng”; Có thái độ tận tình, vui vẻ, hòa nhã với khách hàng, có phong cách văn minh, lịch sự;
5. Không bày hàng hóa lấn chiếm lối đi trong nhà lồng chợ, lòng lề đường bên ngoài nhà lồng chợ.

IV. TIÊU CHUẨN VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM, VỆ SINH MÔI TRƯỜNG, AN NINH TRẬT TỰ VÀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

1. Không để xảy ra hiện tượng trộm cắp, móc túi, bán hàng rong gây mất trật tự trong phạm vi chợ;
2. Phương án phòng cháy chữa cháy cho chợ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
3. Hàng hóa kinh doanh trong chợ được trưng bày gọn gàng, đẹp mắt theo từng ngành hàng, nhóm hàng;
4. Không bố trí gần nhau các loại hàng hóa có ảnh hưởng xấu đến nhau, khu bán thực phẩm tươi sống, khu dịch vụ ăn uống được bố trí riêng;
5. Từng hộ kinh doanh chịu trách nhiệm giữ sạch sẽ, sự thông thoáng tại khu vực kinh doanh, lối đi, không gian xung quanh điểm kinh doanh của mình (khu vực trước, sau, phía hai bên của điểm kinh doanh);
6. Đối với khu vực kinh doanh hàng thực phẩm tươi sống thì bề mặt quầy, sạp phải được làm bằng gạch men hoặc bằng thép không gỉ; có hệ thống thoát nước dọc theo các quầy, sạp; đảm bảo thường xuyên được làm vệ sinh, khô ráo và thông thoáng;
7. Khu bán gia cầm sống phải tách biệt với khu bán thực phẩm khác theo quy định; thuận lợi cho việc vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, thu gom, xử lý nước thải, chất thải;
8. Không xả rác bừa bãi, không đổ nước bẩn ra lối đi trong chợ và trong phạm vi chợ;
9. Định kỳ tổ chức khử trùng và tiêu diệt côn trùng, động vật gây hại bảo đảm không ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm tại chợ;
10. Trang bị thùng chứa rác thải có nắp đậy kín tại các nơi công cộng trong chợ. Tại các vị trí đặt thùng rác công cộng có các biển thông báo giữ vệ sinh và chỉ dẫn bỏ rác đúng nơi quy định;

11. Có lực lượng bảo vệ thường xuyên trong và ngoài giờ chợ hoạt động để giữ gìn an ninh trật tự tại chợ và an toàn cho khách;
12. Không để xe chạy bên trong nhà lồng chợ;
13. Có đầy đủ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định;
14. Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy tại chợ;
15. Mua bảo hiểm phòng cháy chữa cháy của chợ theo quy định;
16. Thực hiện diễn tập phòng cháy chữa cháy chợ theo quy định;
17. Không để tình trạng kinh doanh động vật, sản phẩm động vật ngoài khu quy hoạch bán động vật và khu bán thực phẩm tươi sống tại chợ. Khu giết mổ gia cầm tại chợ (nếu có) phải có đủ điều kiện đầu tư kinh doanh cơ sở giết mổ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phụ lục II

Mẫu hợp đồng cho thuê điểm kinh doanh tại chợ
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03. /2019/QĐ-UBND
ngày/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

.....(1).....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/HĐ

HỢP ĐỒNG

Cho thuê điểm kinh doanh tại chợ(2).....

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ban hành ngày 14/6/2005 của Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số/2018/QĐ-UBND ngày/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức, quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về tổ chức, quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 20....., tại:(2)..... địa chỉ:
.....(3).....

Chúng tôi gồm:

Bên A: (Bên cho thuê điểm kinh doanh) Tên đơn vị(1).....

- Đại diện : Chức vụ:
- Địa chỉ : (4)
- Điện thoại : Fax:
- Mã số thuế :
- Số tài khoản :

Bên B: (Bên thuê điểm kinh doanh)

- Đại diện : Ông/Bà Năm sinh:

- Số CMTND/ TCC : cấp ngày:..... Nơi cấp:
- Địa chỉ thường trú :
- Địa chỉ liên hệ :
- Điện thoại :
- Số tài khoản :

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng cho thuê điểm kinh doanh tại chợ ... (2)...., với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý cho Bên B thuê thuê điểm kinh doanh tại chợ ... (2)...., để Bên B sử dụng vào mục đích kinh doanh.

1. Ký hiệu điểm kinh doanh: (5)
2. Ngành hàng kinh doanh: (6)
3. Diện tích: m²
4. Kết cấu, quy cách, cấp loại điểm kinh doanh: (7)
5. Thời hạn sử dụng: từ ngày đến ngày

Điều 2. Giá trị hợp đồng, phương thức và thời hạn thanh toán

1. Giá thuê điểm kinh doanh (8)

Giá trị tiền thuê trả trước cho: năm, với tổng trị giá là: đồng.

(ghi bằng chữ:..... đồng).

- a) Tính theo đơn giá hàng tháng là: đồng
- b) Tính theo đơn giá hàng quý là: đồng
- c) Tính theo đơn giá hàng năm là: đồng

2. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

3. Thời hạn thanh toán (9)

Bên B thanh toán cho bên A làm lần

- a) Lần 1:
- b) Lần 2:
- c) Lần 3:
- d)

4. Thời điểm chuyển giao quyền sử dụng điểm kinh doanh (10)

Thời điểm chuyển giao quyền sử dụng điểm kinh doanh sau ngày, tính từ ngày ký hợp đồng này. Thủ tục giao nhận được thể hiện bằng một biên bản bàn giao giữa hai bên.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của hai bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Nhận đủ tiền cho thuê điểm kinh doanh theo mức giá và phương thức thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 2 hợp đồng

b) Yêu cầu Bên B nộp các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (trừ tiền thuê đất).

c) Yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ (điện, nước, điện thoại, khác) tạm ngưng cung cấp dịch vụ nếu Bên B vi phạm Nội quy chợ hoặc không thanh toán các nghĩa vụ tài chính theo thỏa thuận.

d) Có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B sử dụng điểm kinh doanh không đúng mục đích, ngành hàng; hoặc không thanh toán tiền thuê điểm kinh doanh theo thỏa thuận tại Điều 2 hợp đồng; hoặc cố ý làm tài sản thuê bị hư hỏng nghiêm trọng hoặc trong thời gian quá 6 (sáu) tháng liên tục kể từ ngày nhận điểm kinh doanh nhưng không tổ chức kinh doanh.

đ) Chuyển giao điểm kinh doanh với chất lượng đảm bảo cho Bên B theo thỏa thuận tại Điều 2 hợp đồng.

e) Được lấy lại điểm kinh doanh khi hết thời hạn theo hợp đồng mà hai bên không gia hạn tiếp.

g) Bảo đảm cho Bên A sử dụng ổn định điểm kinh doanh trong thời hạn thuê.

h) Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa lớn chợ theo định kỳ.

i) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Nhận điểm kinh doanh theo đúng thỏa thuận.

b) Được sang nhượng quyền sử dụng điểm kinh doanh hoặc cho thương nhân khác thuê lại điểm kinh doanh với thời hạn nằm trong thời hạn hợp đồng, nếu được Bên A đồng ý.

c) Được tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận với bên cho thuê, trong trường hợp thay đổi chủ đầu tư chợ.

d) Được ưu tiên ký hợp đồng thuê điểm kinh doanh tiếp khi hợp đồng thuê hết hiệu lực.

đ) Được sử dụng quyền sử dụng điểm kinh doanh để thế chấp vay vốn kinh doanh tại các ngân hàng thương mại theo quy định.

e) Thanh toán tiền thuê điểm kinh doanh theo mức giá và phương thức thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 2 hợp đồng

g) Sử dụng đúng chức năng, mục đích của điểm kinh doanh đã thỏa thuận.

h) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật (trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất).

i) Khi thay đổi kết cấu của điểm kinh doanh phải được sự đồng ý của Bên A bằng văn bản trước khi thực hiện.

k) Trong quá trình sử dụng có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản và sửa chữa nhỏ điểm kinh doanh. Thực hiện sửa chữa những hư hỏng do mình gây ra hoặc phải bồi thường.

l) Trả lại điểm kinh doanh cho Bên A khi hết thời hạn mà không có nhu cầu gia hạn tiếp.

m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có giá trị ngay sau khi ký, Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng đã ký.

2. Mọi tranh chấp hai bên sẽ được giải quyết bằng thương lượng. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa ra Tòa án nhân dân(11).... giải quyết.

3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, sau khi thực hiện xong hợp đồng mà hai Bên không có vướng mắc gì thì hợp đồng mặc nhiên được xem đã thanh lý.

4. Hợp đồng được lập thành 04 bản. Mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

BÊN THUÊ ĐIỂM KINH DOANH

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

BÊN CHO THUÊ ĐIỂM KINH DOANH

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHỢ (12)

*V/v sang nhượng quyền sử dụng điểm kinh doanh
hoặc cho thương nhân khác thuê lại điểm kinh doanh*

“Ghi nội dung thay đổi”

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN

GHI MẪU HỢP ĐỒNG CHO THUÊ ĐIỂM KINH DOANH TẠI CHỢ

Trong quá trình đàm phán hợp đồng các bên có quyền đưa thêm các nội dung cần thiết vào hợp đồng hoặc lược bỏ bớt, nhưng phải đảm bảo đủ các nội dung cần thiết theo quy định của Bộ Luật Dân sự về ký kết hợp đồng thuê tài sản được quy định tại Mục 5 Chương XVI.

- Trường hợp cho thuê quầy hoặc sạp hoặc ki-ốt thì cụm từ “thuê điểm kinh doanh” có thể được sửa lại là “thuê quầy” hoặc “thuê ki-ốt” hoặc “thuê sạp”.

- Các trường hợp bán hoặc cho thuê nhà phố chợ (trong dự án chợ và phố chợ) thì không thuộc nội dung điều chỉnh của mẫu hợp đồng này.

Chú thích một số nội dung ghi tại hợp đồng

- (1) Ghi tên Tổ chức quản lý chợ Bên cho thuê điểm kinh doanh
- (2) Ghi tên chợ (tên riêng hoặc tên theo địa danh xã, phường, thị trấn.....)
- (3) Ghi cụ thể địa chỉ của chợ (ghi đầy đủ thông tin xã, huyện, tỉnh)
- (4) Địa chỉ trụ sở văn phòng chính của Tổ chức quản lý chợ Bên cho thuê điểm kinh doanh hoặc địa chỉ chi nhánh trực tiếp quản lý khai thác chợ
- (5) Ghi ký hiệu điểm kinh doanh đúng theo phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh, sử dụng điểm kinh doanh tại chợ được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt
- (6) Ghi cụ thể ngành hàng kinh doanh
- (7) Ghi loại sạp do Tổ chức quản lý chợ Bên cho thuê điểm kinh doanh quy ước khi công bố như: ki-ốt, sạp, ... hoặc loại 1, 2, 3,.... hoặc loại A, B, C,.....hoặc loại đặc biệt, loại trung bình,.....
- (8) Mức giá cho thuê theo tháng, quý, năm, nhiều năm
- (9) Thời hạn thanh toán do hai Bên tự thỏa thuận
- (10) Thời điểm chuyển giao quyền sử dụng điểm kinh doanh do hai Bên tự thỏa thuận
- (11) Chọn Tòa án nhân dân nơi giải quyết tranh chấp
- (12) Nội dung này do hai bên thỏa thuận, nếu quy định hợp đồng được quyền sang nhượng quyền sử dụng điểm kinh doanh hoặc cho thương nhân khác thuê lại điểm kinh doanh. Trường hợp hợp đồng không được quyền sang nhượng hoặc cho thuê lại điểm kinh doanh thì bỏ nội dung này./.